

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2487/UBND

Lý Sơn, ngày 16 tháng 6 năm 2025

V/v xây dựng kế hoạch và dự
toán ngân sách nhà nước
năm 2026 và kế hoạch tài chính
– ngân sách nhà nước 03
năm 2026-2028 từ nguồn kinh
phí sự nghiệp bảo vệ môi trường
của huyện Lý Sơn

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện nội dung Công văn số 3315/SNNMT-MT ngày 04/6/2025 về việc xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2026-2028 từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của tỉnh Quảng Ngãi. UBND huyện Lý Sơn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2026-2028 từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của huyện Lý Sơn, cụ thể (Theo Phụ lục chi tiết số 01 và số 02 đính kèm).

Kính báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng Tài chính-Kế hoạch;
- VPH: CVP, PCVP, CV;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Phạm Thị Hương

PHỤ LỤC 1
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU NĂM 2024-2025
(Ban hành kèm theo Công văn số: 2487/UBND ngày 16/6/2025 của UBND huyện Lý Sơn)

ĐVT: triệu đồng

ST T	Tên nhiệm vụ / dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm 2024	Lũy kế đến hết năm 2024	Dự toán năm 2025	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả đã đạt được	Ghi chú
A	Nhiệm vụ chuyên môn		821,6	460,0	332,1	489,5				
1	Chỉ quan trắc phân tích chất lượng hiện trạng môi trường,		347,1	150,0	133,5	213,6				
2	Lập báo cáo hiện trạng môi trường huyện Lý Sơn		186,4	190,0	97,4	89,0		99%		
3	Tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường		173,6	100,0	84,6	89,0		72%		
4	Tuyên truyền chống rác thải nhựa, túi nilong		97,3	10,0	8,3	89,0		53%		
5	Xử lý rác thải nhựa trên địa bàn huyện		0,0	0,0	0,0	0,0				
6	Tuyên truyền phân loại rác thải tại nguồn		17,2	10,0	8,3	8,9		99%		
7	Nghiên cứu xây dựng mô hình phân loại rác thải tại nguồn		0,0	0,0	0,0	0,0				
8	Xây dựng hệ dựng quản lý cơ sở dữ liệu thông tin môi trường cấp huyện tích hợp dữ liệu thông tin địa lý		0,0	0,0	0,0	0,0				



9	Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn huyện		0,0	0,0	0,0	0,0				
B	Nhiệm vụ thường xuyên		22.481,9	11.383,0	10.068,7	12.413,2				
1	Chi thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện		19.769,0	9.893,0	8.710,1	11.058,9		33%		
2	Chi công tác quét dọn, thu gom rác thải dọc các tuyến đường trên địa bàn huyện		1.496,1	801,0	764,8	731,3		43%		
3	Chi công tác xử lý các điểm ô nhiễm môi trường		173,6	89,0	84,6	89,0		66%		
4	Chi công tác thu gom, xử lý đất thải nông nghiệp trên địa bàn huyện		1.043,2	600,0	509,2	534,0		76%		
C	Hỗ trợ xử lý điểm tồn lưu hoá chất bảo vệ thực vật ô nhiễm môi trường nghiêm trọng									
	TỔNG CỘNG (A+B)		23.303,5	11.843,0	10.400,8	12.902,7				

PHỤ LỤC 2
TỔNG HỢP CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2026
GIẢI ĐOẠN NĂM 2026-2028

(Ban hành kèm theo Công văn số: 2488/UBND ngày 16 /6/2025 của UBND huyện Lý Sơn)

ĐVT: triệu đồng

ST T	Tên nhiệm vụ /dự án	Cơ sở pháp Lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết năm 2024	Dự toán năm 2025	Kinh phí dự kiến năm 2026	Kinh phí dự kiến năm 2027	Kinh phí dự kiến năm 2028	Ghi chú
A	Nhiệm vụ chuyên môn							4.953,6	332,1	489,5	1.465,0	1.270,0	1.397,0	
1	Chi quan trắc phân tích chất lượng hiện trạng môi trường,							1.092,1	133,5	213,6	220,0	250,0	275,0	
2	Lập báo cáo hiện trạng môi trường huyện Lý Sơn							1.091,4	97,4	89,0	275,0	300,0	330,0	
3	Tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường							545,6	84,6	89,0	120,0	120,0	132,0	
4	Tuyên truyền chống rác thải nhựa, túi nilong							667,3	8,3	89,0	150,0	200,0	220,0	
5	Xử lý rác thải nhựa trên địa bàn huyện							570,0	0,0	0,0	150,0	200,0	220,0	
6	Tuyên truyền phân loại rác thải tại nguồn							587,2	8,3	8,9	150,0	200,0	220,0	
7	Nghiên cứu xây dựng mô hình phân loại rác thải tại nguồn							0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
8	Xây dựng hệ dựng quản lý cơ sở dữ liệu thông tin môi trường cấp huyện tích hợp dữ liệu thông tin địa lý							0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	

9	Xây dựng kế hoạch, mua sắm công cụ, dụng cụ, phương tiện ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn huyện						400,0	0,0	0,0	400,0	0,0	0,0	
B	Nhiệm vụ thường xuyên						64.110,9	10.069,0	12.413,2	13.588,9	13.878,9	14.160,9	
1	Chi thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện						52.945,7	8.710,1	11.058,9	11.058,9	11.058,9	11.058,9	
2	Chi công tác quét dọn, thu gom rác thải dọc các tuyến đường trên địa bàn huyện						6.126,1	764,8	731,3	1.375,0	1.550,0	1.705,0	
3	Chi công tác xử lý các điểm ô nhiễm môi trường						1.440,6	84,6	89,0	385,0	420,0	462,0	
4	Chi công tác thu gom, xử lý đất thải nông nghiệp trên địa bàn huyện						3.598,5	509,5	534,0	770,0	850,0	935,0	
C	Hỗ trợ xử lý điểm tồn lưu hoá chất bảo vệ thực vật ô nhiễm môi trường nghiêm trọng												
	TỔNG CỘNG (A+B)						69.064,5	10.401,1	12.902,7	15.053,9	15.148,9	15.557,9	